

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/2007/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy định về quản lý sản xuất và kinh doanh rau an toàn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý sản xuất và kinh doanh rau an toàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 04/2007/QĐ-BNN ngày 19/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý sản xuất và chứng nhận rau an toàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

QUY ĐỊNH**về quản lý sản xuất và kinh doanh rau an toàn**

(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-BNN ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về chứng nhận điều kiện sản xuất, sơ chế rau an toàn; chứng nhận và công bố rau được sản xuất theo quy trình sản xuất rau an toàn theo hướng GAP; kinh doanh rau an toàn; kiểm tra và xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sản xuất, kinh doanh rau an toàn; chứng nhận điều kiện sản xuất, sơ chế; chứng nhận và công bố rau được sản xuất theo quy trình sản xuất rau an toàn; kiểm tra và xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập có quy định khác, thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quy trình sản xuất rau an toàn theo hướng GAP (viết tắt là QTSXRAT) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh, thành phố) ban hành, được xây dựng theo Hướng dẫn thực hành Nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices - GAP).

2. Rau an toàn (viết tắt là RAT) là những sản phẩm rau tươi (bao gồm các loại rau ăn: lá, thân, củ, hoa, quả, hạt; rau mầm; nấm thực phẩm) được sản xuất, thu hoạch, sơ chế phù hợp quy trình sản xuất RAT.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc hộ nông dân sản xuất theo mô hình kinh tế trang trại đáp ứng điều kiện sản xuất RAT của Quy định này.

4. Điều kiện sản xuất, sơ chế RAT là điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, quy trình kỹ thuật của cơ sở sản xuất để đảm bảo sản xuất, sơ chế ra các sản phẩm rau đạt tiêu chuẩn an toàn.

5. Sơ chế rau là quá trình làm sạch, phân loại và đóng gói rau trước khi đưa vào kinh doanh.

6. Tổ chức chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT (gọi tắt là Tổ chức

chứng nhận) là tổ chức có đủ điều kiện về tư cách pháp nhân, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

7. Giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT là giấy chứng nhận do Tổ chức chứng nhận cấp cho tổ chức, cá nhân sản xuất thực hiện đúng quy trình sản xuất RAT.

8. Công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT là việc tổ chức, cá nhân sản xuất RAT công bố sản phẩm rau của mình được sản xuất phù hợp QTSXRAT, dựa trên kết quả đánh giá của Tổ chức chứng nhận hoặc kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất RAT.

Điều 3. Điều kiện sản xuất, sơ chế RAT

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Nhân lực

a) Có ít nhất một cán bộ chuyên ngành trồng trọt hoặc BVTV từ trung cấp trở lên để hướng dẫn, giám sát kỹ thuật sản xuất RAT (cán bộ của cơ sở sản xuất, cán bộ khuyến nông, bảo vệ thực vật hoặc hợp đồng lao động thường xuyên hoặc không thường xuyên);

b) Người sản xuất RAT được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc tổ chức có chức năng nhiệm vụ tập huấn về

quy định quản lý và quy trình sản xuất RAT.

2. Đất trồng và giá thể

a) Có đặc điểm lý, hóa tính phù hợp với sự sinh trưởng, phát triển của cây rau;

b) Không bị ảnh hưởng trực tiếp các chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt từ các khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ gia súc tập trung, nghĩa trang, đường giao thông lớn;

c) Hàm lượng một số kim loại nặng trong đất hoặc giá thể không vượt quá mức cho phép tại Phụ lục 1 của Quy định này. Trước khi sản xuất RAT và trong quá trình sản xuất khi thấy có nguy cơ gây ô nhiễm phải lấy mẫu đất để kiểm tra. Phương pháp lấy mẫu đất theo Tiêu chuẩn 10TCN 367: 1999.

3. Nước tưới

a) Không sử dụng nước thải công nghiệp, nước thải từ bệnh viện, khu dân cư, trang trại chăn nuôi, lò giết mổ gia súc chưa qua xử lý; nước phân tươi, nước giải, nước ao tù đọng để tưới trực tiếp cho rau;

b) Nước tưới cho rau không bị ô nhiễm bởi các sinh vật và hóa chất độc hại, hàm lượng một số hóa chất không vượt quá mức cho phép tại Phụ lục 2 của Quy định này. Trước khi sản xuất RAT và trong quá trình sản xuất khi thấy có nguy cơ

gây ô nhiễm phải lấy mẫu nước kiểm tra. Phương pháp lấy mẫu nước theo Tiêu chuẩn TCVN 6000: 1995 đối với nước giếng, nước ngầm, hoặc Tiêu chuẩn TCVN 5996: 1995 đối với nước ao, hồ, sông rạch.

4. Quy trình sản xuất RAT

Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT phải cam kết thực hiện các quy trình sản xuất RAT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc tỉnh, thành phố nơi tiến hành sản xuất ban hành.

Trong thời gian chờ soát xét, chuyên đổi các quy trình sản xuất RAT hiện có cho phù hợp với Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn và Hướng dẫn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng các quy trình sản xuất RAT hiện có do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tỉnh, thành phố đã ban hành.

5. Điều kiện sơ chế rau

a) Có địa điểm, nhà xưởng, nguồn nước rửa, dụng cụ sơ chế, phương tiện vận chuyển, bao gói sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn theo QTSXRAT;

b) Người lao động không bị bệnh truyền nhiễm và được tập huấn về sơ chế RAT.

Điều 4. Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT gửi

hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tiến hành sản xuất. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đăng ký đủ điều kiện sản xuất RAT theo mẫu tại Phụ lục 4 của Quy định này;

b) Bản kê khai điều kiện sản xuất kèm theo theo mẫu tại Phụ lục 5 của Quy định này.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, nếu đảm bảo điều kiện theo quy định thì cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT. Nếu chưa đảm bảo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký khắc phục những điều kiện chưa đạt yêu cầu.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không sản xuất chỉ thu mua RAT để sơ chế, nếu đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sơ chế RAT.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT có hiệu lực tối đa 3 năm, hết thời hạn phải đăng ký lại.

4. Chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu đất, nước để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT theo quy định hiện hành.

5. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT được lưu tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận để phục vụ việc kiểm tra, thanh tra.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo công khai tên, địa chỉ, điện thoại của các tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 5. Chi định Tổ chức chứng nhận

1. Đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp hoặc chi nhánh tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam được chi định là Tổ chức chứng nhận khi đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân, có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Có đủ cán bộ chuyên ngành về trồng trọt hoặc BVTV trình độ đại học trở lên và có thâm niên công tác từ 03 năm trở lên;

c) Có phòng kiểm nghiệm có đủ trang thiết bị và tài liệu cần thiết để kiểm nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh an toàn trên rau hoặc hợp đồng thuê phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chi định.

2. Hồ sơ đăng ký được chi định là Tổ chức chứng nhận gửi Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với tổ chức đăng ký hoạt động trên nhiều tỉnh, thành phố hoặc về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với tổ chức đăng ký hoạt động tại tỉnh, thành phố đó, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký được chi định là Tổ chức chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT theo mẫu tại Phụ lục 6 của Quy định này;

b) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh;

c) Bản kê khai chi tiết các điều kiện tại khoản 1 Điều này;

d) Mẫu giấy chứng nhận tổ chức, cá nhân sản xuất rau theo QTSXRAT.

3. Trong thời gian 15 ngày (mười lăm) kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lý, Cục Trồng trọt hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, nếu hợp lệ sẽ ra quyết định chi định là Tổ chức chứng nhận. Trường hợp không đủ điều kiện, Cục Trồng trọt hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thông báo lý do và thời gian khắc phục, nếu kết quả thẩm định lại vẫn không đạt thì không được chi định.

Thời hạn hiệu lực của quyết định chi định tối đa là 3 năm. Trước khi hết hạn 3 tháng nếu muốn tiếp tục hoặc có nhu cầu

thay đổi, bổ sung phải đăng ký để được cấp lại.

Hồ sơ chi định được lưu tại Cục Trồng trọt hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức được chi định để phục vụ việc kiểm tra, thanh tra.

4. Trường hợp chưa có các tổ chức chứng nhận được chi định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi định Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ chi định Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thực hiện chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT cho các tổ chức, cá nhân đăng ký trên địa bàn.

5. Cục Trồng trọt và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo công khai tên, địa chỉ, điện thoại của các tổ chức chứng nhận được chi định trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của Tổ chức chứng nhận

1. Tổ chức chứng nhận có các quyền sau đây:

a) Đánh giá, cấp, tạm đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT;

b) Giám sát và yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất được cấp Giấy chứng nhận khắc phục những thiếu sót về điều kiện sản xuất, sơ chế hoặc về thực hiện QTSXRAT.

2. Tổ chức chứng nhận có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đánh giá, chứng nhận và giám sát quá trình sản xuất RAT trên cơ sở hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân sản xuất rau đề nghị chứng nhận;

b) Bảo đảm tính khách quan và công bằng trong hoạt động chứng nhận; bảo mật các thông tin thu thập được trong quá trình tiến hành hoạt động chứng nhận;

c) Giám sát tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận nhằm duy trì được điều kiện sản xuất, sơ chế và thực hiện theo đúng QTSXRAT trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả chứng nhận của mình;

đ) Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi sản xuất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT của tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 7. Tổ chức chứng nhận chất lượng đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT

1. Trình tự, nội dung đánh giá

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT đến Tổ chức

chứng nhận theo mẫu của tổ chức chứng nhận;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT và Tổ chức chứng nhận ký hợp đồng về đánh giá, giám sát và cấp Giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT;

c) Tổ chức chứng nhận thông báo cho tổ chức, cá nhân sản xuất RAT về kế hoạch, chỉ tiêu, phương pháp đánh giá, giám sát, mẫu biểu ghi chép cập nhật thông tin sản xuất để phổ biến và hướng dẫn đến người lao động;

d) Tổ chức chứng nhận cử cán bộ đánh giá thường xuyên hoặc đột xuất trong quá trình sản xuất rau; khi cần thiết được lấy mẫu rau đại diện để kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn RAT được quy định tại Phụ lục 3 của Quy định này. Phương pháp lấy mẫu rau theo Tiêu chuẩn TCVN 5102: 1990.

2. Cấp Giấy chứng nhận

a) Tổ chức chứng nhận cấp Giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT cho tổ chức, cá nhân sản xuất RAT khi có đủ điều kiện;

b) Giấy chứng nhận có giá trị 01 (một) năm và là căn cứ để tổ chức, cá nhân sản xuất RAT công bố sản phẩm rau của mình được sản xuất phù hợp QTSXRAT và đáp ứng tiêu chuẩn RAT.

3. Giám sát trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận

a) Tổ chức chứng nhận cử cán bộ giám sát thường xuyên hoặc đột xuất việc duy trì điều kiện sản xuất và thực hiện QTSXRAT của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận trong thời gian còn hiệu lực; khi cần thiết được lấy mẫu rau đại diện trong sản xuất hoặc trên thị trường để kiểm nghiệm;

b) Kết quả giám sát là căn cứ để Tổ chức chứng nhận quyết định duy trì, tạm đình chỉ, cấp mới hoặc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đã cấp theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng đã ký giữa 2 bên.

4. Chi phí đánh giá và cấp giấy chứng nhận sản xuất theo QTSXRAT được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 8. Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT tự đánh giá quá trình sản xuất

1. Tổ chức sản xuất RAT tự đánh giá quá trình sản xuất để làm căn cứ công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT nếu đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT;

b) Có phòng kiểm nghiệm có đủ trang thiết bị và tài liệu cần thiết để kiểm nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh an toàn trên rau hoặc hợp đồng thuê phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định;

c) Có kế hoạch và các chỉ tiêu đánh giá, giám sát nội bộ về việc duy trì điều kiện sản xuất và thực hiện QTSXRAT;

d) Có hoặc thuê cán bộ chuyên ngành về trồng trọt hoặc BVTV trình độ đại học trở lên và có thâm niên công tác từ 03 năm trở lên, đủ năng lực đánh giá và giám sát nội bộ.

2. Trình tự và nội dung tự đánh giá

a) Xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu đánh giá, giám sát nội bộ theo quy định tại Phụ lục 9 của Quy định này;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT phổ biến, hướng dẫn đến người lao động về kế hoạch, chỉ tiêu, phương pháp đánh giá và giám sát nội bộ, mẫu biểu ghi chép cập nhật thông tin sản xuất;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT tiến hành đánh giá và giám sát nội bộ trong suốt quá trình sản xuất, kể cả sau khi đã công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT; lấy mẫu rau đại diện trong sản xuất hoặc trên thị trường để kiểm nghiệm;

d) Căn cứ kết quả đánh giá nội bộ, nếu đủ điều kiện thì lập báo cáo đánh giá làm căn cứ để tổ chức, cá nhân sản xuất RAT công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT.

Điều 9. Công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT phải gửi hồ sơ công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi sản xuất. Hồ sơ bao gồm:

a) Trường hợp công bố dựa trên kết quả đánh giá của Tổ chức chứng nhận:

- Bản công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT theo Phụ lục 7 của Quy định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận do Tổ chức chứng nhận cấp.

b) Trường hợp công bố dựa trên kết quả tự đánh giá:

- Bản công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT tại Phụ lục 7 của Quy định này;

- Kế hoạch và chỉ tiêu đánh giá và giám sát nội bộ;

- Báo cáo tự đánh giá quá trình sản xuất, kết quả kiểm nghiệm các mẫu rau đại diện.

2. Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu hồ sơ đáp ứng yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục 8 của Quy định này tới các tổ chức, cá nhân có hồ sơ công bố.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT sau khi công bố có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc công bố của mình;

b) Thực hiện giám sát nội bộ trong quá trình sản xuất theo đúng QTSX RAT;

4. Khi phát hiện chất lượng rau sản xuất, kinh doanh không phù hợp với công bố:

a) Phải tiến hành ngay các biện pháp khắc phục; tạm dừng việc sản xuất, kinh doanh; thu hồi sản phẩm không phù hợp đã thu hoạch, sơ chế hoặc đang lưu thông trên thị trường;

b) Trường hợp không khắc phục được nguy cơ gây mất an toàn, phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chấm dứt hiệu lực Bản công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT.

5. Hồ sơ công bố được lưu tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức, cá nhân công bố để phục vụ việc kiểm tra, thanh tra.

Điều 10. Kinh doanh RAT

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh RAT tại cửa hàng, đại lý phải có các điều kiện sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có nội dung kinh doanh rau tươi;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bản phôi tô Thông báo tiếp nhận bản công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT;

c) Hợp đồng, hóa đơn nhập, xuất hoặc sổ sách ghi chép thể hiện rõ chủng loại, khối lượng, nguồn gốc xuất xứ RAT và thời gian nhập, xuất;

d) Sản phẩm rau phải có bao gói, thùng chứa, dây buộc hợp vệ sinh; trên bao bì hoặc nhãn gắn trực tiếp vào từng sản phẩm (củ, quả) tối thiểu phải có các thông tin sau:

- Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất RAT;

- Dòng chữ “Rau được sản xuất theo quy trình sản xuất RAT”.

Khuyến khích in mã số, mã vạch, lô gô, thương hiệu của tổ chức, cá nhân sản xuất RAT, tổ chức chứng nhận và các thông tin khác trên bao bì hoặc nhãn.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT khi kinh doanh theo hình thức cung ứng trực tiếp cho khách hàng (nhà máy chế biến, nhà hàng, khách sạn, trường học, bệnh viện, hộ gia đình) hoặc bán buôn tại chợ đầu mối phải có các điều kiện sau đây:

a) Hợp đồng, hóa đơn nhập, xuất hoặc sổ sách ghi chép thể hiện rõ chủng loại, khối lượng, nguồn gốc xuất xứ RAT và thời gian nhập, xuất;

b) Sản phẩm RAT phải có bao gói, thùng chứa, dây buộc và vận chuyển trên phương tiện hợp vệ sinh nhưng không bắt buộc phải có các thông tin như quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 11. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Kiểm tra

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế RAT và Tổ chức chứng nhận chịu sự kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Tổ chức, cá nhân, cửa hàng, đại lý kinh doanh RAT chịu sự kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương.

2. Xử lý vi phạm

a) Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế RAT và Tổ chức chứng nhận

Tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế RAT, tổ chức chứng nhận vi phạm phải tiến hành khắc phục trong khoảng thời gian nhất định theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra, nếu không sẽ bị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; các sản phẩm rau không đạt tiêu chuẩn phải tạm dừng thu hoạch, sơ chế để khắc phục hoặc phải tiêu hủy.

Trường hợp vi phạm nghiêm trọng hoặc tái phạm 3 lần kiểm tra liên tiếp Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn xem xét thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT; chấm dứt hiệu lực Bản công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT của tổ chức, cá nhân sản xuất RAT hoặc thu hồi quyết định chỉ định của tổ chức chứng nhận.

Tùy theo mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị xử phạt hành chính theo các quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trường hợp nghiêm trọng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh RAT

Tổ chức, cá nhân kinh doanh RAT có vi phạm phải tiến hành khắc phục trong khoảng thời gian nhất định theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra, nếu không sẽ bị thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; các sản phẩm rau không đạt tiêu chuẩn bị tịch thu hoặc tiêu hủy.

Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng hoặc tái phạm sẽ bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP, giấy phép kinh doanh RAT hoặc tạm dừng hoạt động kinh doanh RAT theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tùy theo mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị xử phạt hành chính

theo quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và trong lĩnh vực thương mại, trường hợp nghiêm trọng có thể truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 12. Phân công thực hiện

1. Cục Trồng trọt

a) Trình Bộ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về sản xuất và kinh doanh RAT;

b) Hướng dẫn xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất RAT tập trung trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương; chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án phát triển RAT;

c) Chỉ định Tổ chức chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT đối với các tổ chức đăng ký hoạt động trên nhiều tỉnh;

d) Hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT;

đ) Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật, Thanh tra Bộ kiểm tra, thanh tra về RAT trên phạm vi cả nước.

2. Vụ Khoa học công nghệ

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình sản xuất RAT;

b) Quản lý các đề tài nghiên cứu, dự án sản xuất thử về sản xuất, sơ chế, bảo quản RAT;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức, chỉ đạo, giám sát, quản lý về RAT.

3. Cục Bảo vệ thực vật

a) Đào tạo tập huấn và chỉ đạo áp dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM, ICM) trên rau, quy trình sản xuất RAT theo hướng GAP;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với hệ thống bảo vệ thực vật ở các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ về sản xuất, kinh doanh RAT;

c) Phối hợp với Cục Trồng trọt, Thanh tra Bộ kiểm tra, thanh tra về sản xuất RAT trên cả nước.

4. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

a) Đào tạo tập huấn, phổ biến QTSXRAT cho nông dân;

b) Thông tin, tuyên truyền góp phần thúc đẩy sản xuất và kinh doanh RAT;

c) Xây dựng các mô hình trình diễn về sản xuất RAT tại các vùng trọng điểm để khuyến cáo nhân rộng.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy hoạch vùng sản xuất RAT tập

trung và dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh RAT tại địa phương;

b) Đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ sản xuất và kinh doanh RAT tại địa phương;

c) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT, chỉ định tổ chức chứng nhận và công bố rau được sản xuất theo QTSXRAT đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

d) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện quy trình sản xuất RAT phù hợp với điều kiện địa phương;

đ) Đào tạo, tập huấn và cấp chứng chỉ về sản xuất RAT cho người sản xuất RAT;

e) Kiểm tra, thanh tra về sản xuất RAT và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước địa phương kiểm tra kinh doanh RAT trên địa bàn.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh RAT nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh cần phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng

09646094

Phụ lục 1-9

(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-BNN ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phụ lục 1

MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP CỦA
MỘT SỐ KIM LOẠI NẶNG TRONG ĐẤT

TT	Nguyên tố	Mức giới hạn tối đa cho phép (mg/kg)	Phương pháp thử
1	Asen (As)	12,0	TCVN 6498: 1999; 10 TCN 797: 2006
2	Cardimi (Cd)	2,0	TCVN 6498: 1999; 10 TCN 796: 2006
3	Chì (Pb)	70,0	TCVN 6498: 1999; 10 TCN 796: 2006

Phụ lục 2

MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP CỦA
MỘT SỐ CHẤT TRONG NƯỚC TƯỚI

TT	Nguyên tố	Mức giới hạn tối đa cho phép (mg/lít)	Phương pháp thử
1	Thủy ngân	0,001	TCVN 5941: 1995 TCVN 6665: 2000
2	Cardimi (Cd)	0,01	TCVN 6665: 2000
3	Asen (As)	0,1	TCVN 6665: 2000
4	Chì (Pb)	0,1	TCVN 6665: 2000

Phụ lục 3

MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP CỦA MỘT SỐ VI SINH VẬT
VÀ HÓA CHẤT GÂY HẠI TRONG SẢN PHẨM RAU TƯƠI

STT	Chi tiêu	Mức giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử
I	Hàm lượng nitrat (NO ₃)	mg/kg	TCVN 5247: 1990
1	Xà lách	1.500	-
2	Rau gia vị	600	-
3	Bắp cải, Su hào, Sup lơ, Củ cải, tỏi	500	-
4	Hành lá, Bầu bí, Ớt cây, Cà tím	400	-
5	Ngô rau	300	-
6	Khoai tây, Cà rốt	250	-
7	Đậu ăn quả, Măng tây, Ớt ngọt	200	-
8	Cà chua, Dưa chuột	150	-
9	Dưa bở	90	-
10	Hành tây	80	-
11	Dưa hấu	60	-
II	Hàm lượng kim loại nặng và độc tố	mg/kg	
1	Asen (As)	1,0	TCVN 7601: 2007; TCVN 5367: 1991
2	Chì (Pb)	1,0	TCVN 7602: 2007
3	Thủy Ngân (Hg)	0,3	TCVN 7604: 2007
4	Đồng (Cu)	30	TCVN 5368: 1991; TCVN 6541: 1999

STT	Chi tiêu	Mức giới hạn tối đa cho phép	Phương pháp thử
5	Cadimi (Cd)		TCVN 7603: 2007
	- Rau ăn củ	0,05	
	- Xà lách	0,1	
	- Rau ăn lá	0,2	
	- Rau khác	0,02	
6	Kẽm (Zn)	40	TCVN 5487: 1991
7	Thiếc (Sn)	200	TCVN 5496: 2007
III	Vi sinh vật hại	CFU/ g	
1	Samonella	0	TCVN 4829: 2005
2	Coliforms	100	TCVN 4883: 1993; TCVN 6848: 2007
3	Escherichia coli	10	TCVN 6846: 2007
IV	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật		
1	Những hóa chất có trong CODEX	Theo CODEX	Theo CODEX
2	Những hóa chất không có trong CODEX	Theo ASEAN hoặc Đài Loan	Theo ASEAN hoặc Đài Loan

Ghi chú: Căn cứ thực tế tình hình sử dụng thuốc BVTV trên rau tại cơ sở sản xuất để xác định những hóa chất có nguy cơ gây ô nhiễm cần phân tích.

Phụ lục 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀ SƠ CHẾ RAU AN TOÀN**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố...

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ:.....

ĐT..... Fax..... Emai.....

3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):

4. Đăng ký được cấp giấy chứng nhận

Sau khi nghiên cứu Quy định về quản lý sản xuất và kinh doanh RAT, đặc biệt về điều kiện sản xuất, sơ chế RAT, liên hệ với điều kiện cụ thể của tổ chức, cá nhân, chúng tôi xin đăng ký được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT:

- Diện tích sản xuất rau an toàn đăng ký:..... ha (hoặc quy mô sản xuất rau mầm, nấm thực phẩm:..... kg/đơn vị thời gian);

- Địa điểm: thôn.... xã, (phường)..... huyện (quận).....

- Bản kê điều kiện sản xuất, sơ chế RAT (kèm theo);

5. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng QTSXRAT.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố... thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT./.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

MẪU BẢN KÊ KHAI
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT VÀ SƠ CHẾ RAU AN TOÀN
(Kèm theo đơn đăng ký)

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ:.....

ĐT..... Fax..... Email.....

3. Điều kiện sản xuất, sơ chế RAT

3.1. Nhân lực:

Danh sách cán bộ kỹ thuật

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác	Ghi chú

Danh sách hộ gia đình sản xuất, sơ chế RAT

TT	Họ tên chủ hộ	DT đất rau (ha)	Chứng chỉ tập huấn RAT	Ghi chú

3.2. Đất trồng và giá thể:

- Diện tích sản xuất rau an toàn đăng ký:..... ha (hoặc quy mô sản xuất rau mầm, nấm thực phẩm:..... kg/đơn vị thời gian);

- Địa điểm: thôn..... xã, (phường)..... huyện (quận).....

- Kết quả phân tích đất tại Phụ lục 1 của Quy định này (nếu có);

- Khu vực sản xuất, sơ chế cách các nguồn gây ô nhiễm..... m.

3.3. Nguồn nước tưới:

- Nguồn nước sử dụng tưới cho rau (sông, ao hồ, nước ngầm...):.....

- Kết quả phân tích nước tưới theo Phụ lục 2 của Quy định này (nếu có).

3.4. Quy trình sản xuất RAT:

- Các loại rau đăng ký sản xuất:.....

- Các quy trình sản xuất RAT theo nhóm rau hoặc loại rau sản xuất (cấp Bộ, cấp tỉnh, thành phố):.....

3.5. Điều kiện sơ chế rau :

a) Nhà xưởng:

- Diện tích khu sơ chế..... m², loại nhà:.....

- Diện tích kho bảo quản rau:..... m², tình trạng kỹ thuật:.....

- Điều kiện bao gói sản phẩm:.....

b) Nguồn nước:

- Nguồn nước sử dụng để sơ chế rau (sông, ao hồ, nước ngầm...):.....

- Kết quả phân tích nước theo Phụ lục 2 của Quy định này (nếu có).

Chúng tôi cam kết các thông tin trong bản kê khai là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
LÀ TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN
SẢN XUẤT RAU THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT RAT

Kính gửi: Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố....)

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ:.....

ĐT:..... Fax..... Email.....

3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh:

4. Điều kiện của đơn vị đề thực hiện chứng nhận

4.1. Nhân lực:

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác	Công việc hiện tại	Chứng chỉ được cấp
1						
2						

4.2. Trang thiết bị:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ký mã hiệu	Đặc trưng KT chủ yếu	Tình trạng	Chỉ tiêu kiểm tra	Ghi chú
1							
2							

096460921

4.3. Hợp đồng với phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc được chỉ định để phân tích các chỉ tiêu chất lượng RAT (nếu có):.....

4.4. Tài liệu chuyên môn: Các quy trình sản xuất RAT; kế hoạch, chỉ tiêu, phương pháp đánh giá, giám sát; mẫu giấy chứng nhận, mẫu lô gô hoặc tem chứng nhận...

Chúng tôi cam kết các thông tin kê khai trên là đúng sự thật và thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chứng nhận, chịu trách nhiệm về việc cấp giấy chứng nhận sản xuất rau phù hợp QTSXRAT.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ RAU ĐƯỢC SẢN XUẤT
THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT RAU AN TOÀN**

Số:

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất RAT:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

CÔNG BỐ:

Các nhóm rau và loại rau sau đây:.....

Đã được sản xuất, sơ chế theo các quy trình sản xuất rau an toàn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc tỉnh, thành phố..... ban hành (số hiệu, ký hiệu, tên gọi quy trình:.....).

Căn cứ công bố: Giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT do tổ chức chứng nhận cấp (tên, địa chỉ tổ chức chứng nhận chất lượng, số giấy chứng nhận, ngày tháng cấp) hoặc Báo cáo tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất RAT (số, ngày..... tháng..... năm.....).

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 8

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày..... tháng..... năm 200.....

**THÔNG BÁO TIẾP NHẬN
 BẢN CÔNG BỐ RAU ĐƯỢC SẢN XUẤT
 THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT RAU AN TOÀN**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố..... xác nhận đã nhận được Bản công bố rau được sản xuất theo quy trình sản xuất rau an toàn của tổ chức.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... mail:.....

Cho các nhóm rau và loại rau sau đây:..... đã được sản xuất, sơ chế theo quy trình sản xuất rau an toàn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc tỉnh, thành phố..... ban hành (Số hiệu, ký hiệu, tên gọi quy trình):.....

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết đảm bảo chất lượng của tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế RAT, không có giá trị chứng nhận cho từng sản phẩm RAT. Tổ chức, cá nhân công bố phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự phù hợp của chất lượng RAT được sản xuất, kinh doanh với tiêu chuẩn RAT theo quy định của Nhà nước./.

Nơi gửi:, ngày..... tháng..... năm 200.....

- Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan chủ quản

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 9

CHỈ TIÊU, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ GIÁM SÁT

STT	Chi tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
1	Đất trồng và giá thể			
	Vùng đất trồng có hồ sơ theo dõi quản lý không?			
1.1	Đất trồng có bị ô nhiễm trực tiếp bởi các chất thải không?	Vùng sản xuất không có nguy cơ bị ô nhiễm bởi chất thải từ nhà máy, khu dân cư, bệnh viện, các lò giết mổ gia súc tập trung, nghĩa trang, đường giao thông lớn.	Số liệu phân tích ô nhiễm hoặc qua kiểm tra thực địa.	A
1.2	Hàm lượng một số kim loại nặng trong đất hoặc giá thể có vượt quá mức quy định không?	Hàm lượng một số kim loại nặng trong đất hoặc giá thể không được vượt quá mức tối đa cho phép theo Phụ lục 1 của Quy định này.	Kết quả phân tích mẫu đất do phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định tiến hành.	A
1.3	Đất có đặc điểm lý, hóa tính phù hợp với sinh trưởng, phát triển của cây rau không?	Đất có thành phần cơ giới, pH phù hợp với trồng rau.	Kết quả phân tích mẫu đất hoặc kiểm tra thực địa.	B
2	Nước tưới			

09646094

STT	Chi tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
2.1	Có sử dụng nước thải chưa qua xử lý tưới cho rau không?	Không được sử dụng nước thải công nghiệp, nước thải từ bệnh viện, khu dân cư, trang trại chăn nuôi, lò giết mổ gia súc, nước ao tù đọng... chưa qua xử lý để tưới cho rau.	Tài liệu ghi chép hoặc kiểm tra thực địa.	A
2.2	Có tưới cho rau bằng nước phân tươi, nước giải của người và động vật không?	Không được sử dụng nước phân tươi, nước giải của người và động vật tưới cho rau.	Tài liệu ghi chép hoặc kiểm tra thực địa.	A
2.3	Hàm lượng một số hóa chất trong nguồn nước tưới có vượt quá mức cho phép không?	Hàm lượng một số hóa chất có hại trong nguồn nước tưới không được vượt quá mức theo Phụ lục 2 của Quy định này.	Kết quả phân tích mẫu nước do phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định tiến hành.	A
3	Phân bón			
3.1	Có sử dụng phân người, phân gia súc, gia cầm tươi chưa qua ủ hoai mục bón cho rau không?	Không được sử dụng phân người, phân gia súc, gia cầm tươi chưa qua ủ hoai mục bón cho rau.	Tài liệu ghi chép hoặc kiểm tra thực địa.	A
3.2	Kho chứa phân có đảm bảo không gây ô nhiễm cho rau không?	Kho chứa phân phải được che đậy khô ráo và không gây ô nhiễm nguồn nước tưới; nơi xử lý ủ phân tươi phải xa nơi sản xuất rau.	Kiểm tra thực địa.	A

09646094

STT	Chi tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
3.3	Lượng phân đạm bón có quá liều lượng không?	Lượng phân đạm vô cơ và phân bón khác chứa đạm phải bón đúng liều lượng theo quy trình sản xuất RAT.	Tài liệu ghi chép, phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A
4	Thuốc bảo vệ thực vật			
4.1	Xử lý hạt giống, đất vườn ươm, cây giống bằng hóa chất có đúng quy định không?	Phải bằng hóa chất trong danh mục được phép sử dụng với liều lượng theo QTSXRAT.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	B
4.2	Có sử dụng thuốc ngoài danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng cho rau không?	Chỉ sử dụng các loại thuốc thuộc Danh mục BVTV được phép sử dụng trên rau ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A
4.3	Sử dụng thuốc BVTV có đúng nồng độ và liều lượng không?	Phải sử dụng thuốc BVTV đúng nồng độ và liều lượng như hướng dẫn trên bao bì cho từng loại thuốc và từng thời gian sinh trưởng của rau.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc Kiểm tra thực địa.	A
4.4	Sử dụng thuốc BVTV có đúng cách không?	Phải sử dụng thuốc BVTV như phun xịt, tung vãi hoặc bón vào đất theo đúng cách hướng dẫn của từng loại thuốc trên từng loại rau.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A

09646094

STT	Chỉ tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
4.5	Sử dụng thuốc BVTV có đúng thời điểm và đảm bảo thời gian cách ly theo từng loại thuốc đối với từng loại rau không?	Sử dụng thuốc BVTV đúng thời điểm theo hướng dẫn để phát huy hiệu lực của thuốc và đặc biệt phải đảm bảo thời gian cách ly như quy định trong quy trình sản xuất.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A
4.6	Người lao động có trang bị an toàn khi phun thuốc không?	Người lao động phải mang quần áo, găng tay, kính bảo hộ khi phun thuốc.	Phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	B
4.7	Dụng cụ phun thuốc BVTV có đảm bảo kỹ thuật và chất lượng không?	Dụng cụ phun thuốc BVTV phải đảm bảo kỹ thuật và chất lượng phun thuốc.	Phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	B
4.8	Có áp dụng biện pháp xen canh, luân canh không?	Nên áp dụng biện pháp xen canh, luân canh theo quy trình sản xuất RAT	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	B
4.9	Có sử dụng thuốc sinh học, thảo mộc,... thay thế thuốc hóa học không?	Nên sử dụng thuốc sinh học, thảo mộc... thay thế thuốc hóa học	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	B
5	Phân tích mẫu đại diện điển hình			

096460921

STT	Chi tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
	Có phân tích mẫu rau đại diện điển hình để xác định chất lượng rau có phù hợp với quy định RAT không?	Định kỳ hoặc khi thấy có nguy cơ ô nhiễm, phải lấy mẫu rau đại diện điển hình để phân tích theo Phụ lục 2 của Quy định này; nếu có chỉ tiêu vượt ngưỡng phải có biện pháp xử lý kịp thời hoặc tiêu hủy sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.	Kết quả phân tích mẫu rau do phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định tiến hành.	A
6	Thu hoạch và sơ chế			A
6.1	Người lao động có mắc bệnh truyền nhiễm không?	Khi thu hoạch, chế biến rau, người lao động phải đảm bảo vệ sinh cá nhân và không mắc các bệnh truyền nhiễm.	Giấy khám sức khỏe hoặc phỏng vấn nông dân.	A
6.2	Thời điểm thu hoạch có đảm bảo đúng thời gian cách ly không?	Số ngày từ lần phun cuối cùng đến khi thu hoạch tối thiểu phải đảm bảo như quy định.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A
6.3	Dụng cụ thu hoạch, sơ chế có đảm bảo an toàn vệ sinh không?	Dụng cụ thu hoạch, kho chứa, bao gói, dây buộc, phương tiện vận chuyển... phải sạch, nhất là khi dùng lại; không để rau trực tiếp xuống đất khi thu hoạch.	Kiểm tra thực địa.	A

STT	Chi tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
6.4	Có sử dụng hóa chất để xử lý rau tươi đã thu hoạch không?	Không được sử dụng hóa chất xử lý rau tươi. Nếu thật cần thiết, chỉ sử dụng hóa chất được phép sử dụng trên rau.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A
6.5	Nguồn nước dùng cho sơ chế rau có đảm bảo an toàn vệ sinh không?	Nguồn nước rửa rau phải sạch, hàm lượng một số chất gây hại không vượt quá ngưỡng cho phép theo Phụ lục 2 của Quy định này.	Kết quả phân tích mẫu nước do phòng kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định tiến hành.	A
7	Quản lý chất thải và môi trường			09646094
	Chất thải và môi trường khu vực sản xuất, sơ chế có được kiểm soát theo quy định không?	Thuốc BVTV dư thừa, bao bì, chai lọ đựng thuốc BVTV phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	Phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A
8	Chăm sóc người lao động			
	Người lao động có được đào tạo tập huấn và hướng dẫn về các quy định, quy trình SXRAT theo hướng GAP không?	Người lao động phải nắm vững quy định quản lý, quy trình sản xuất RAT theo hướng GAP, về danh mục BVTV, nguyên tắc sử dụng phân bón, thuốc BVTV, chỉ tiêu và phương pháp đánh giá, giám sát nội bộ; cách ghi chép cập nhật thông tin.	Có chứng chỉ hoặc danh sách người lao động được tập huấn.	A

STT	Chỉ tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
9	Ghi chép cập nhật thông tin			
9.1	Hồ sơ sản xuất RAT có được lưu không?	Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT phải lưu trữ hồ sơ về quy hoạch, sơ đồ, lịch sử khu vực sản xuất; kết quả phân tích đất, nước tưới, tập huấn nông dân; văn bản quy phạm pháp luật, quy trình sản xuất RAT; giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế RAT, giấy chứng nhận sản xuất rau theo QTSXRAT; báo cáo đánh giá, giám sát, bản công bố và thông báo tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và PTNT.....	Kiểm tra thực địa.	A
9.2	Thông tin về quá trình và kết quả sản xuất RAT có được ghi chép cập nhật không?	Tổ chức, cá nhân sản xuất RAT phải ghi chép cập nhật thông tin về giống; loại phân, lượng phân, thời gian bón phân; ngày phun, tên thuốc BVTV, liều lượng phun; thời gian thu hoạch, khối lượng sản phẩm cho từng nhóm và loại rau cụ thể.	Tài liệu ghi chép hoặc phỏng vấn nông dân hoặc kiểm tra thực địa.	A

STT	Chi tiêu đánh giá, giám sát	Biểu hiện đúng phù hợp với QTSXRAT	Phương pháp đánh giá	Mức độ quan trọng
10	Kiểm tra nội bộ			
	Định kỳ tổ chức sản xuất RAT có kiểm tra đánh giá nội bộ không?	Tối thiểu 1 năm 1 lần tổ chức, cá nhân sản xuất RAT phải tự đánh giá toàn diện về điều kiện sản xuất, chế biến RAT và về thực hiện quy trình sản xuất RAT, đưa ra giải pháp khắc phục tồn tại.	Báo cáo đánh giá nội bộ.	A

Ghi chú:

- Chi tiêu có mức độ quan trọng loại A là bắt buộc áp dụng. Khi phát hiện có chi tiêu không được thực hiện theo đúng QTSXRAT phải có biện pháp khắc phục kịp thời; phải dừng thu hoạch, sơ chế rau để khắc phục hoặc thu hồi, tiêu hủy sản phẩm rau bị ô nhiễm không khắc phục được.

- Chi tiêu có mức độ quan trọng loại B là khuyến khích áp dụng.